

4. Quá khứ đơn

Bài tập 1. Chia động từ trong ngoặc theo thì quá khứ đơn

Đáp án

1. visited	2. didn't go	3. watched
4. traveled/ travelled	5. didn't eat	6. Did you see

Bài tập 2. Điền dạng đúng của các động từ trong ngoặc ở thì quá khứ đơn.

Đáp án

1. traveled/ travelled	2. stayed	3. was	4. walked
5. took	6. visited	7. saw	8. enjoyed

Bài tập 3. Dùng từ gợi ý để viết lại câu mà không thay đổi nghĩa.

Đáp án

1. Where did you visit last summer?
2. Did she go to school yesterday?
3. What did he study last night?
4. What did they eat for dinner?
5. When did you go to the zoo?

Bài tập 4. Điền một từ thích hợp vào mỗi chỗ trống để hoàn thành đoạn văn.

Đáp án

1. woke	2. rode	3. played
4. ate	5. was	6. felt

Bài tập 5. Chọn câu đúng trong mỗi cặp sau

Đáp án

1. B	2. B	3. B	4. A	5. B
------	------	------	------	------

Bài tập 6. Chia động từ trong ngoặc ở thì hiện tại đơn hoặc quá khứ đơn tùy theo ngữ cảnh trong câu

Đáp án

1. walks / took	2. eat / ate	3. cooks / made
4. doesn't watch / watched	5. play / went	6. visit / visited

Bài tập 7. Nối câu hỏi ở cột A với câu trả lời phù hợp ở cột B.

Đáp án

1 – c

2 – d

3 – a

4 – b

Bài tập 8. Chọn 1 trong 2 từ cho sẵn để hoàn thành câu (thì quá khứ đơn).

Đáp án

1. played
2. drove
3. bought
4. didn't
5. saw

Bài tập 9. Mỗi câu sau có 1 lỗi sai liên quan đến thì quá khứ đơn. Hãy gạch chân lỗi sai và viết lại câu đúng.

Đáp án

1. go → went → She went to the market yesterday.
2. doesn't → didn't → We didn't play badminton last week.
3. went → go → Did you go to the zoo last Sunday?
4. was see → saw → I saw that movie last night.
5. eats → ate → They ate noodles for dinner yesterday.

Bài tập 10. Nhìn vào mô tả hành động và đoán nghề nghiệp. Chia động từ ở thì quá khứ đơn.

Đáp án

1. taught – teacher
2. cooked – chef
3. wrote – journalist

4. painted – artist